

Bản án số: 11/2020/DS-ST.

Ngày: 04/3/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tống Văn Tư

Ông Lê Văn Lâu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hiền, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 435/2019/TLST-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04A/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị P, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Chị C có mặt, chị P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và chị P là bà con lối xóm, nhà gần nhau, khi chị P có mở và làm đầu thảo nhiều dây hụi vào năm 2016, và làm ăn có uy tín, nếu ai hốt hụi thì giao đầy đủ, do tin tưởng nên chị có tham gia góp nhiều dây hụi do chị P làm đầu thảo. Đến ngày 28/9/2019 chị P ngưng hụi và không trả tiền hụi lại cho chị, cụ thể trong các dây hụi như sau:

1- *Hụi tháng: (một tháng khui một lần).*

Dây 1: Khui ngày 20/01/2018 (âm lịch), có 22 phần, mỗi phần là 2.000.000 đồng, chị tham gia 02 phần, và góp được 20 kỳ hụi sống $\times 2 \times 2.000.000đ = 80.000.000$ đồng. Hiện nay dây hụi này đã mãn nhưng chị P không giao tiền hốt hụi lại cho chị.

Dây 2: Khui ngày 20/02/2018 (âm lịch), mỗi phần là 1.000.000 đồng, dây hụi có 20 phần, chị tham gia 02 phần, góp được 19 kỳ hụi sống $\times 1.000.000đ \times 02$ phần = 38.000.000 đồng và hiện nay dây hụi này đã mãn.

Dây 3: Khai ngày 20/3/2018 (âm lịch), dây hụi có 19 phần, mỗi phần là 1.000.000 đồng, chị tham gia 02 phần và góp được 18 kỳ hụi sống x 1.000.000đ x 02 phần = 36.000.000 đồng, dây hụi này đã mãn.

Dây 4: Khai ngày 20/4/2018 (âm lịch), có 18 phần, mỗi phần là 2.000.000 đồng, chị tham gia 03 phần và góp được 17 kỳ hụi sống x 2.000.000đ x 03 phần = 102.000.000 đồng, dây hụi này đã mãn.

Dây 5: Khai ngày 15/7/2018 (âm lịch), có 17 phần, mỗi phần là 2.000.000 đồng, chị tham gia 02 phần và góp được 15 kỳ hụi sống x 2.000.000đ x 02 phần = 60.000.000 đồng, dây hụi này đã mãn.

Dây 6: Khai ngày 15/8/2018 (âm lịch), có 17 phần, mỗi phần là 1.000.000 đồng, chị tham gia 02 phần và góp được 13 kỳ hụi sống x 1.000.000đ x 02 phần = 26.000.000 đồng, dây hụi này đã mãn.

Dây 7: Khai ngày 30/9/2018 (âm lịch), có 17 phần, mỗi phần là 2.000.000 đồng, chị tham gia 03 phần và góp được 11 kỳ hụi sống x 2.000.000đ x 03 phần = 66.000.000 đồng, dây hụi này đã mãn.

Dây 8: Khai ngày 20/01/2019 (âm lịch), có 16 phần, mỗi phần là 2.000.000 đồng, chị tham gia 02 phần và góp được 08 kỳ hụi sống x 2.000.000đ x 02 phần = 32.000.000 đồng, dây hụi này mãn vào ngày 20/4/2020 (âm lịch).

Dây 9: Khai ngày 10/4/2019 (âm lịch), có 17 phần, mỗi phần là 2.000.000 đồng, chị tham gia 02 phần và góp được 05 kỳ hụi sống x 2.000.000đ x 02 phần = 20.000.000 đồng, dây hụi này mãn vào ngày 20/8/2020 (âm lịch).

B - Hụi Mùa: (ba tháng khai 1 lần).

Dây 1: Khai ngày 30/4/2017 (âm lịch), có 16 phần, mỗi phần là 5.000.000 đồng, chị có tham gia góp 01 phần và góp được 10 kỳ hụi sống x 5.000.000đ = 50.000.000 đồng, dây hụi này mãn vào ngày 30/01/2022 (âm lịch).

Dây 2: Khai ngày 15/4/2018 (âm lịch), có 16 phần, mỗi phần là 5.000.000 đồng, chị có tham gia góp 01 phần và góp được 06 kỳ hụi sống x 5.000.000đ = 30.000.000 đồng, dây hụi này mãn vào ngày 15/01/2022 (âm lịch).

Dây 3: Khai ngày 30/01/2019 (âm lịch), có 16 phần, mỗi phần là 5.000.000 đồng, chị có tham gia góp 01 phần và góp được 03 kỳ hụi sống x 5.000.000đ = 15.000.000 đồng, dây hụi này mãn vào ngày 30/9/2022 (âm lịch).

Sau khi tuyên bố bế hụi và ngưng thì chị P còn nợ của chị tổng cộng các dây hụi tháng và 03 dây hụi mùa số tiền là 555.000.000 đồng.

Nay chị khởi kiện yêu cầu chị P trả toàn bộ số tiền hụi là 555.000.000 đồng.

* Bị đơn là chị Phạm Thị P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của chị C đòi chị P trả tiền nợ hụi là 555.000.000đ, và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng chị P vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của chị cũng như yêu cầu khởi kiện của chị C

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tổ tụng dân sự:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Chính có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng góp hội với chị P có địa chỉ tại ấp M, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về việc giải quyết vụ án vắng mặt đương sự:

Chị Phạm Thị P là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho chị P Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của chị C đòi chị P trả tiền nợ của tổng cộng 12 dây hội tiền là 555.000.000 đồng, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng chị P vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt cũng như yêu cầu khởi kiện của chị C. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn chị C trình bày do quen biết và là bà con lối xóm với nhau, có biết chị P có mở và làm đầu thảo nhiều dây hội để hưởng hoa hồng và làm ăn có uy tín, nên chị C tin tưởng, từ năm 2017 đến năm 2019 tham gia vào 09 dây hội tháng và 03 dây hội mùa. Đến ngày 28/9/2019 chị P tuyên bố ngưng, vỡ hội, mà không trả lại tiền hội cho chị C, nên chị C khởi kiện đòi chị P phải trả tiền 12 dây hội, tổng cộng là 555.000.000 đồng. Kèm theo đơn kiện chị C cung cấp cho Tòa án 12 danh sách hội viên, theo chị C trình bày các danh sách hội viên này do chị P viết, ký tên và giao cho chị cất giữ ngay lúc ban đầu khi mở dây hội; đồng thời chị P có ký nhận các lần chị C giao tiền hội, trước khi vụ án này đưa ra xét xử thì Tòa án nhân dân huyện Cái Bè có xét xử các vụ án có nhiều nguyên đơn (chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn C) cùng khởi kiện chị P trong cùng các dây hội mà chị C tham gia và được chấp nhận yêu cầu. Còn bị đơn là chị P vắng mặt không lý do, chị P cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của mình và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị C. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho chị P Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ hội của chị C và triệu tập hợp lệ chị P đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; như vậy xem như chị P từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị C. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay chị C khai là sau khi chị P ngưng hội thì nhiều hội viên có đơn gửi Ủy ban nhân dân xã Mỹ Trung yêu cầu hòa giải để chị P trả lại tiền hội. UBND xã Mỹ Trung có mời chị P nhiều lần, chị P có biết nhưng không đến nên không hòa giải được. Theo chị C khai là khi góp hội hai bên thỏa thuận: Người hội viên phải góp hội đầy đủ tiền hội khi đến kỳ khai hội và được nhận tiền hội khi hốt hội; người làm đầu thảo có trách nhiệm giao đủ tiền cho hội viên khi hội viên hốt hội và được hưởng tiền hoa hồng theo thỏa thuận. Như vậy, khi chị C tham gia các dây hội mà khi tuyên bố vỡ hội, chị P còn thiếu và không giao trả tiền hội mà chị C đã góp, cho thấy chị P là người có lỗi đã vi phạm nghĩa vụ cam kết ban đầu khi giao kết hợp đồng góp hội. Nay chị C đòi chị P phải trả lại toàn bộ tiền hội là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc chị P trả cho chị C

555.000.000 đồng tiền nợ hui một lần là đúng quy định pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 29 Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị C, nên bị đơn là chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 357; 468 và 471 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 26 và 27 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Căn cứ các Điều 28, 29, 30 và Điều 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

- Buộc chị Phạm Thị P trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền nợ 12 dây hui tổng cộng là 555.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi lăm triệu đồng).

- Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị P chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: - Chị P phải chịu 26.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị C số tiền tạm ứng án phí 13.000.000 đồng, đã nộp theo biên lai thu số 0002770 ngày 09/12/2019 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Giàu

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+

+

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 368/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019 về việc “**Tranh chấp hợp đồng góp hội**” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bé**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thị A, xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Phượng**, sinh năm 1976.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ Thị A, xã Mỹ Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 357; 468 và 471 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 26 và 27 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019.

- Căn cứ các Điều 28, 29, 30 và Điều 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé.

- Buộc bà Phạm Thị Phượng trả cho bà Nguyễn Thị Bé số tiền nợ 10 đây hội là 361.400.000đ (Ba trăm, sáu mươi một triệu, trăm nghìn đồng chẵn).

Thời gian trả: Trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà Bé có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Phượng chậm thực hiện nghĩa vụ cấp trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3/ (100%).

2. Về án phí: Bà Phượng phải chịu 18.070.000đ (Mười tám triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn). Hoàn lại cho bà Bé số tiền tạm ứng án phí là 4.637.500đ (Bốn triệu, sáu trăm, ba mươi bảy ngàn, năm trăm đồng chẵn) theo

biên lai số 0002580 ngày 12/11/2019 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Kết quả biểu quyết: 3/3/ (100%).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự nguyên đơn bà Bé được quyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Phụng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án. Để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3/ (100%).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA